



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
BKG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22/2024/CBTT

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam
Mã chứng khoán: BKG
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: (024) 2283.2468
Người công bố thông tin: Đặng Phước Đức
Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.
- Công văn giải trình chênh lệch Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

Thông tin này được công bố trên website của BKG VIỆT NAM vào ngày 15/08/2024 tại trang web: <http://bkgvietnam.com> Chuyên mục: **Quan hệ cổ đông/công bố thông tin**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Ban KS, TC, KT;
- Lưu: VP.

Đính kèm (sl: 02):

- Báo cáo tài chính đã soát xét
- Công văn giải trình số liệu 21/2024/CV



ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC

Số: 21 /2024/CV
V/v: giải trình chênh lệch số liệu

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Đầu Tư BKG Việt Nam

Mã chứng khoán: BKG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, toà nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 2283.2468

Fax: (024) 2283.2468

Loại thông tin công bố: Định kỳ

I. Giải trình về chênh lệch số liệu cùng kỳ

Căn cứ theo Khoản 4a, Điều 14. Công bố thông tin định kỳ của Thông tư số: 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020: “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”. Công ty CP Đầu tư BKG Việt Nam xin được giải trình như sau:

1/ Đối với Báo cáo riêng

STT	Chỉ tiêu trên BCTC riêng	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	Chênh lệch 6T năm 2024 so với 6T năm 2023	
				Giá trị	%
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.776.604.385	42.162.018.899	Tăng 14,6 tỷ	35%
2	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.140.290.500	3.433.837.658	Tăng 706 triệu	21%

2/ Đối với Báo cáo Hợp nhất

STT	Chỉ tiêu trên BCTC hợp nhất	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	Chênh lệch 6T năm 2024 so với 6T năm 2023	
				Giá trị	%
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	158.205.840.199	93.720.300.519	Tăng 64,5 tỷ	69%
2	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.465.042.182	6.208.416.419	Tăng 2,3 tỷ	36%



Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 trên Báo cáo riêng tăng hơn 706 triệu so với cùng kỳ, tương ứng 21%; trên Báo cáo hợp nhất tăng hơn 2,3 tỷ tương ứng 36% chủ yếu là do Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên BC riêng và Hợp nhất tăng lần lượt 35% và 69%. Trong khi đó, các chi phí khác không có sự biến động nhiều so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do số lượng đơn hàng hoàn thành tăng lên, dẫn đến doanh thu tăng.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP; P.KT.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Trưởng Ban Kiểm soát



ĐẶNG PHƯỚC ĐỨC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: : Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



NGUYỄN VĂN HƯNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Số: 2806/2024/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được soát xét và kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này vào ngày 28 tháng 08 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng vào ngày 29 tháng 03 năm 2024.



NGUYỄN HỮU HOÀN

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2417-2023-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

73
TY
H
ÁN V
GIÁ
C TẾ
SHP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.199.638.184	71.144.080.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.336.647.360	1.743.713.745
1. Tiền	111		3.336.647.360	1.743.713.745
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.916.979.030	26.689.764.499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	19.521.489.993	1.391.815.258
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	6.200.000.000	25.156.140.531
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	195.489.037	141.808.710
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	43.371.154.351	39.283.212.892
1. Hàng tồn kho	141		43.371.154.351	39.283.212.892
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		574.857.443	427.389.738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	284.978.179	242.088.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		289.879.264	185.301.534
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		655.801.222.692	656.019.066.765
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.393.977.520	23.583.084.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	581.477.520	770.584.675
- Nguyên giá	222		2.107.321.717	2.107.321.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.525.844.197)	(1.336.737.042)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	22.812.500.000	22.812.500.000
- Nguyên giá	228		22.812.500.000	22.812.500.000
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	632.378.952.868	632.378.952.868
1. Đầu tư vào công ty con	251		543.400.000.000	543.400.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		89.110.000.000	89.110.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(131.047.132)	(131.047.132)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.292.304	57.029.222
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	28.292.304	57.029.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		732.000.860.876	727.163.147.639

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		4.262.061.699	3.564.638.962
I. Nợ ngắn hạn	310		4.262.061.699	3.476.238.962
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	981.234.594	1.281.734.835
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	118.603.889	234.918.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	2.555.958.984	1.495.107.192
4. Phải trả người lao động	314		105.750.020	121.558.987
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	322.114.212	162.918.963
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	178.400.000	180.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	88.400.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	-	88.400.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		727.738.799.177	723.598.508.677
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	727.738.799.177	723.598.508.677
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		716.090.200.000	681.999.830.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.648.599.177	41.598.678.677
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.508.308.677	13.188.527.321
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.140.290.500	28.410.151.356
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		732.000.860.876	727.163.147.639

(Signature)

(Signature)



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Người lập biểu

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN HƯNG
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	56.776.604.385	42.162.018.899
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		56.776.604.385	42.162.018.899
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	49.561.479.930	35.699.555.905
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		7.215.124.455	6.462.462.994
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	54.839.422	144.144.258
7. Chi phí tài chính	22	5.4	16.155.081	34.072.306
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.155.081	34.072.306
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	746.533.594	700.112.413
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.427.398.514	1.380.993.305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.079.876.688	4.491.429.228
11. Thu nhập khác	31	5.6	223.252.729	11.595.414
12. Chi phí khác	32	5.7	101.987.125	100.767.235
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		121.265.604	(89.171.821)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.201.142.292	4.402.257.407
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.060.851.792	968.419.749
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		4.140.290.500	3.433.837.658

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Người lập biểu

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯNG
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.201.142.292	4.402.257.407
2. Điều chỉnh cho các khoản			150.422.814	66.976.464
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		189.107.155	177.048.416
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.132.175)	(158.956)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(53.707.247)	(143.985.302)
Chi phí lãi vay	06		16.155.081	34.072.306
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.351.565.106	4.469.233.871
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		721.888.066	493.285.616
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.087.941.459)	(5.096.571.240)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(273.429.055)	(3.683.654.313)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14.153.057)	253.165.171
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.155.081)	(34.072.306)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(17.365.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.681.774.520	(3.615.979.091)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(104.046.385)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.920	143.985.302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.920	39.938.917
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(90.000.000)	(90.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(90.000.000)	(90.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.591.801.440	(3.666.040.174)
(50 = 20+30+40)				
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.743.713.745	18.215.084.072
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.132.175	158.956
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.1	3.336.647.360	14.549.202.854
(70 = 50+60+61)				

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Người lập biểu

PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯNG

Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị DTA, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106935814 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2015 và thay đổi lần 10 ngày 23 tháng 07 năm 2024.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa nhà HPC Landmark 105, đường Tố Hữu, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 716.090.200.000 đồng (Bảy trăm mười sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn).

Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu tương đương 71.609.020 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 35 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 32 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Bán buôn, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

1.3. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ nắm giữ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty CP Gỗ BKG	Hà Nội	95,00%	95,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME	Hà Nội	98,00%	98,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	Hòa Bình	99,20%	99,20%	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Jade De Mai Châu	Hòa Bình	51,70%	51,70%	Lĩnh vực bất động sản
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng và chăm sóc rừng

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3.2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

29
ĐN
TNI
TC
NH
JOC
PH

3.6. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp

lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số tiền phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

3.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/ Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.18. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.20. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

3.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

M.S.D.N.

T.N.H.H.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	3.204.864.741	440.244.110
Tiền gửi ngân hàng	131.782.619	1.303.469.635
Tổng	3.336.647.360	1.743.713.745

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào công ty con	543.400.000.000	(131.047.132)	543.400.000.000	(131.047.132)
Công ty CP Gỗ BKG	95.000.000.000	-	95.000.000.000	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	74.400.000.000	-	74.400.000.000	-
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	160.000.000.000	(24.516.353)	160.000.000.000	(24.516.353)
Công ty CP Jade De Mai Châu	155.000.000.000	(99.276.375)	155.000.000.000	(99.276.375)
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập	10.000.000.000	(7.254.404)	10.000.000.000	(7.254.404)

Tên Công ty con	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính	
				Chế biến các sản phẩm từ gỗ	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Gỗ BKG	Hà Nội	95,00%	95,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME	Hà Nội	98,00%	98,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	Hòa Bình	99,20%	99,20%	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt	Chăn nuôi gia cầm, hoạt động trồng trọt
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Chế biến các sản phẩm từ gỗ	Chế biến các sản phẩm từ gỗ
Công ty cổ phần Jade De Mai Châu	Hòa Bình	51,70%	51,70%	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực bất động sản
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập	Hòa Bình	100,00%	100,00%	Trồng rừng và chăm sóc rừng	Trồng rừng và chăm sóc rừng

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào đơn vị khác	89.110.000.000	-	89.110.000.000	-
Công ty CP DP Invest	89.110.000.000	-	89.110.000.000	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	19.521.489.993	1.391.815.258
Vidaxl Trading (HK) LTD (Vidaxl)		350.732.602
Công ty CP XDTM&SX Ván ép Thăng Long	12.105.474.400	-
Công ty CP ĐTXD&PT Đô thị Thăng Long	6.045.900.000	749.658.000
Công ty CP ĐTXD Công trình văn hóa Thăng Long	1.249.448.000	-
Đối tượng khác	120.667.593	291.424.656
Tổng	19.521.489.993	1.391.815.258

4.4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	6.200.000.000	25.156.140.531
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu gỗ Hà Nội	6.200.000.000	-
Công ty TNHH Tâm Điền - Tây Yên Tử	-	24.021.076.000
Công ty TNHH MTV Ván ép Tây Hà Nội	-	1.100.000.000
Đối tượng khác	-	35.064.531
Tổng	6.200.000.000	25.156.140.531

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	195.489.037	-	141.808.710	-
Ký cược, ký quỹ	139.720.000	-	139.720.000	-
Phải thu khác	55.769.037	-	2.088.710	-
Tổng	195.489.037	-	141.808.710	-

4.6. Hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	285.012.123	-	259.026.938	-
Hàng hóa	43.086.142.228	-	39.024.185.954	-
Tổng	43.371.154.351	-	39.283.212.892	-

4.7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	284.978.179	242.088.204
Chi phí thuê mặt bằng	277.272.567	241.017.075
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	7.705.612	1.071.129
Dài hạn	28.292.304	57.029.222
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	28.292.304	57.029.222
Tổng	313.270.483	299.117.426

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

<u>Khoản mục</u>	<u>Phương tiện vận tải truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số dư tại đầu kỳ	1.227.104.424	880.217.293	2.107.321.717
Số dư tại cuối kỳ	1.227.104.424	880.217.293	2.107.321.717
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại đầu kỳ	740.832.302	595.904.740	1.336.737.042
Khấu hao trong kỳ	104.183.424	84.923.731	189.107.155
Số dư tại cuối kỳ	845.015.726	680.828.471	1.525.844.197
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	486.272.122	284.312.553	770.584.675
Tại ngày cuối kỳ	382.088.698	199.388.822	581.477.520

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 370.540.364 VND

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 30.980.000 VND

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

<u>Khoản mục</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư tại đầu kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000
Số dư tại cuối kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại đầu kỳ	-	-
Số dư tại cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000
Tại ngày cuối kỳ	22.812.500.000	22.812.500.000

4.10. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Ngắn hạn	981.234.594	981.234.594	1.281.734.835	1.281.734.835
Công ty Cổ phần Gỗ BKG	542.155.234	542.155.234	878.301.478	878.301.478
Công ty CP đầu tư Hải Phát Thủ Đô	374.970.276	374.970.276	275.246.089	275.246.089
Đối tượng khác	64.109.084	64.109.084	128.187.268	128.187.268
Tổng	981.234.594	981.234.594	1.281.734.835	1.281.734.835
Phải trả người bán là các bên liên quan	542.155.234	542.155.234	878.301.478	878.301.478

(Chi tiết tại thuyết minh 6.1)

4.11. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	118.603.889	234.918.985
Archi Reenco (ARCHI)	-	139.918.985
Công ty CP Truyền thông Giáo dục Edumedia Việt Nam	25.000.000	25.000.000
Nitika Malik	70.000.000	70.000.000
Công ty CP Lexus Thăng Long	13.068.000	-
Vidaxl Trading (HK) LTD (Vidaxl)	10.535.889	-
Tổng	118.603.889	234.918.985

4.12. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này			Số cuối kỳ
	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số thực nộp	
Phải nộp	1.495.107.192	1.064.851.792	4.000.000	2.555.958.984
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.495.107.192	1.060.851.792	-	2.555.958.984
Thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

4.13. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn	322.114.212	162.918.963
Bảo hiểm xã hội	261.006.624	135.004.844
Bảo hiểm y tế	42.965.568	19.581.613
Bảo hiểm thất nghiệp	18.142.020	8.332.506
Tổng	322.114.212	162.918.963

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BKG VIỆT NAM
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 09a - DN

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Kỳ này		Số đầu kỳ		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		
	Giá gốc	178.400.000	88.400.000	90.000.000	Giá gốc	180.000.000	
Vay ngắn hạn							
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Đống Đa - PGD Văn Quán (i)	178.400.000	178.400.000	88.400.000	90.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - CN Đống Đa - PGD Văn Quán (i)	-	-	-	88.400.000	88.400.000	88.400.000	88.400.000

(i) Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

- Hợp đồng cho vay số 250620-6292080-01-SME ngày 29/06/2020;
- Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 29/06/2020 đến ngày 29/06/2025;
- Số tiền vay: 898.400.000 VND;
- Lãi suất: 12,2 %/năm;
- Mục đích: Thanh toán một phần tiền mua ô tô phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày đầu năm trước	681.999.830.000	13.188.527.321	695.188.357.321
Lãi trong năm trước	-	28.410.151.356	28.410.151.356
Tại ngày cuối năm trước	681.999.830.000	41.598.678.677	723.598.508.677
Tăng vốn trong kỳ này	34.090.370.000	-	34.090.370.000
Lãi trong kỳ này	-	4.140.290.500	4.140.290.500
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(34.090.370.000)	(34.090.370.000)
Tại ngày cuối kỳ	716.090.200.000	11.648.599.177	727.738.799.177

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trần Công Thành	132.825.000.000	126.500.000.000
Nguyễn Văn Hưng	107.415.000.000	102.300.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	475.850.200.000	453.199.830.000
Tổng	716.090.200.000	681.999.830.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	716.090.200.000	681.999.830.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	716.090.200.000	681.999.830.000
Cổ tức đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.609.020	68.199.983
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.609.020	68.199.983
Cổ phiếu phổ thông	71.609.020	68.199.983
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.609.020	68.199.983
Cổ phiếu phổ thông	71.609.020	68.199.983
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

Ngoại tệ	Số cuối kỳ		Giá trị (USD)
	Giá trị nguyên tệ	Khối lượng theo đơn vị trong nước	
Đô la Mỹ (USD)	147,09	-	147,09

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	53.410.374.702	41.911.021.299
Doanh thu bán thành phẩm	3.224.800.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.429.683	250.997.600
Tổng	56.776.604.385	42.162.018.899

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	49.561.479.930	35.699.555.905
Tổng	49.561.479.930	35.699.555.905

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.707.247	143.985.302
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	1.132.175	158.956
Tổng	54.839.422	144.144.258

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	16.155.081	34.072.306
Tổng	16.155.081	34.072.306

5.5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.427.398.514	1.380.993.305
Chi phí nhân viên quản lý	428.562.030	514.509.579
Chi phí vật liệu quản lý	-	50.071.527
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.639.541	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.958.065	165.500.084
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.238.878	536.870.945
Chi phí khác bằng tiền	-	108.041.170
Chi phí bán hàng	746.533.594	700.112.413
Chi phí nhân viên	429.927.343	412.218.292
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.548.332	11.548.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	305.057.919	269.719.952
Chi phí khác bằng tiền	-	6.625.837
Tổng	2.173.932.108	2.081.105.718

5.6. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản khác	223.252.729	11.595.414
Tổng	223.252.729	11.595.414

5.7. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản phạt và chi phí khác	101.987.125	100.767.235
Tổng	101.987.125	100.767.235

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.060.851.792	968.419.749
Tổng	1.060.851.792	968.419.749

5.9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.639.541	50.071.527
Chi phí nhân công	863.489.373	926.727.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	600.758	177.048.416
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.123.296.797	806.590.897
Chi phí khác bằng tiền	-	114.667.007
Tổng	1.991.026.469	2.075.105.718

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính giữa niên độ và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Công Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Ông Dương Tất Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Duy	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Đức	Trưởng ban kiểm soát
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên BKS
Ông Tạ Quang Dũng	Thành viên BKS
Công ty CP Gỗ BKG	Công ty con
Công ty CP Xuất nhập khẩu BKG HOME	Công ty con
Công ty CP Thực phẩm lành Mai Châu	Công ty con
Công ty TNHH MTV BKG Tân Mỹ	Công ty con
Công ty cổ phần Jade De Mai Châu	Công ty con
Công ty CP phát triển rừng BKG Độc Lập	Công ty con

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập các thành viên chủ chốt trong kỳ kế toán được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Văn Hưng	70.541.311	70.047.464
Ông Đặng Phước Đức	60.382.671	59.858.722
Ông Tạ Quang Dũng	45.456.733	46.000.790
Tổng	176.380.715	175.906.975

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng	2.178.415.457	1.699.775.511
Công ty CP Gỗ BKG	2.178.415.457	1.699.775.511

Số dư với các bên liên quan

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán	542.155.234	878.301.478
Công ty CP Gỗ BKG	542.155.234	878.301.478

6.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

6.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Riêng số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Người lập biểu



PHẠM LƯƠNG BẢO NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN HƯNG
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2024